

QUÁ TRÌNH ANH “MỞ CỬA” PENANG VÀ SINGAPORE TỪ NỬA SAU THẾ KỶ XVIII ĐẾN THẾ KỶ XIX: NGUYÊN NHÂN VÀ TÁC ĐỘNG

*Đặng Văn Chương**

*Lê Thị Quý Đức***

Quá trình Anh “mở cửa” và lôi cuốn bán đảo Malaya này vào những chuyển động nhanh chóng của thế giới phương Tây từ nửa sau thế kỷ XVIII đã đáp ứng những nhu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp và sự cạnh tranh thuộc địa của Anh. Sự hiện diện của Anh ở Malaya, đặc biệt là tại Penang và Singapore từ nửa sau thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX được thúc đẩy bởi những yếu tố khác nhau và tác động sâu sắc đến nhiều mặt, nhất là trên lĩnh vực kinh tế và thương mại không chỉ cho Penang và Singapore mà còn ảnh hưởng đến cả khu vực Malaya.

Từ khóa: Penang, Singapore, bán đảo Malaya, mở cửa, nguyên nhân, tác động.

1. Nguyên nhân thúc đẩy Anh “mở cửa” Penang và Singapore từ nửa sau thế kỷ XVIII

Là những khu vực có vị trí quan trọng của bán đảo Malaya dưới con mắt của người Anh, vì vậy, những động lực thúc đẩy Anh “mở cửa” Penang và Singapore

*PGS.TS., Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế.

*ThS.NCS., Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế.

cũng liên quan đến những nguyên nhân khiến người Anh quan tâm trở lại bán đảo Malaya từ nửa sau thế kỷ XVIII.

Thứ nhất, lợi ích thương mại hàng hải quốc tế ở bán đảo Malaya - yếu tố chủ đạo chi phối sự quan tâm của Anh

Từ những năm 1720, sự phát triển trong hoạt động buôn bán trà của người Trung Quốc cũng như những hoạt động thương mại của thương nhân Tây Âu (Bồ

Đào Nha, Hà Lan, Anh,...) đã dẫn tới những thay đổi lớn trong hệ thống thương mại hàng hải quốc tế¹. Nó đã đưa thương mại quốc tế phát triển tới đỉnh cao mới với các hải cảng ở bán đảo Malaya. Các công ty Đông Ấn Tây Âu như VOC (*Vereenigde Oost-Indische Compagnie* - Công ty Đông Ấn Hà Lan) và EIC (*English East India Company* - Công ty Đông Ấn Anh) cũng như các thương nhân châu Âu đều cố gắng tìm kiếm các sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường Trung Quốc rộng lớn và có thể tạo nên những nguồn lợi lớn trong việc buôn bán trà với thương nhân Trung Quốc. Các mặt hàng có nhiều lợi nhuận nhất là hồ tiêu, thiếc, thuốc phiện. Hai loại đầu tiên là mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất ở bán đảo Malaya. Vì vậy, từ thế kỷ XVIII, việc buôn bán thiếc và hồ tiêu đã phát triển nhanh chóng ở khu vực này². Thuốc phiện có nguồn gốc từ Bengal là một trong những món hàng nhập khẩu có nhiều lợi nhuận nhất ở bán đảo Malaya và quần đảo

Indonesia. Trước sự phát triển của hoạt động buôn bán trà của người Trung Quốc và buôn bán hàng hóa ở Malaya đã làm thức tỉnh các nhà lãnh đạo địa phương cũng như các thương nhân Tây Âu trong việc mở rộng quyền lực ở bán đảo Malaya.

Trong khi đó, quan hệ thương mại với Trung Quốc đóng vai trò rất quan trọng với EIC cũng như đối với chính phủ Anh từ nửa cuối thế kỷ XVIII. Nguồn thu từ việc bán hàng len và một số hàng hóa khác đã được Công ty Đông Ấn Độ Anh dùng để mua trà. Thương mại của nó là với Trung Quốc, và đó là thương mại trà³. Điều này được thể hiện trên hai mặt: thứ nhất, lợi nhuận nó đem lại cho Công ty và thứ hai, khoản thu nó đem lại cho chính phủ Anh từ thuế nhập khẩu trà. Năm 1785, nước Anh đã nhập khẩu 16 triệu pound⁴ trà; năm 1787 là hơn 20 triệu pound trà; từ năm 1823 đến năm 1833, lượng trà nhập khẩu trung bình khoảng 30 triệu pound/một năm⁵. Sự phát triển của hoạt động thương mại giữa Trung Quốc với các thương nhân Tây Âu (Hà Lan, Anh, Pháp...) vào đầu thế kỷ XVIII đã làm dịch chuyển trung tâm của hệ thống thương mại quốc tế, từ Ấn Độ Dương chuyển sang bán đảo Malaya. Là nước tham gia trực tiếp và được hưởng lợi đáng kể từ hoạt động thương mại với Trung Quốc, rõ ràng, Anh không thể thờ ơ trước những tiềm năng to lớn của bán đảo này.

¹Từ trước đầu thế kỷ XVIII, tuyến thương mại truyền thống từ Ấn Độ ven theo bờ Ấn Độ Dương đến thị trường rộng lớn Trung Quốc đòi hỏi phải qua các hải cảng của Miến Điện như Mergui, Tenasserim... Nên trong thời kì này, Miến Điện đóng vai trò rất quan trọng trong các mạng lưới thương mại:

1) liên kết tuyến thương mại Ấn Độ Dương với tuyến thương mại đường bộ Trung Quốc, từ các cảng ở hạ Miến Điện đến Bhamo;

2) liên kết tuyến thương mại Ấn Độ Dương với trung tâm thương mại Lan Na qua Martaban;

3) liên kết tuyến thương mại Ấn Độ Dương với thương mại phía Nam biển Trung Quốc qua tuyến thương mại ở vùng duyên hải Tenasserim;

Tuy nhiên, đến thập niên 20 của thế kỉ XVIII, vai trò đó đã dần bị giảm sút.

² Arasaratnam, Sinnappah (1979), *The age of partnership, Europeans in Asia before Dominion*, Edited by Blair B. Kling and M. N. Pearson. Honolulu: the University of Hawaii, p.161-162.

³ Tregonning. K. C (1965), *British in Malaya: the first forty years 1786-1826*, The University of Arizona, p. 89.

⁴ 1 pound = 0.453592 kg

⁵ Ryan. N. J (1963), *The making of modern Malaya: A history from earliest times to the present*, Oxford University Press, Amen House, London, p.77.

Chính phủ Anh đã có được một khoản thu lớn từ quan hệ mậu dịch này và do đó quan hệ thương mại với Trung Quốc trở thành một trong những nguyên nhân chính khiến nước Anh tái chú ý tới bán đảo Malaya, trong đó có Penang và Singapore. *Sự chuyển hướng của người Anh từ Ấn Độ đến bán đảo Malaya, sự thúc đẩy dẫn đến việc thiết lập Penang năm 1786, Singapore năm 1819... trên tất cả là điển hình cho tham vọng của người Anh trong việc mở rộng thương mại với Trung Quốc*⁶.

Thứ hai, nhu cầu đảm bảo an ninh phòng ngự trên biển ở sườn phía Đông của thuộc địa Ấn Độ - yếu tố đẩy mạnh sự quan tâm của Anh ở bán đảo Malaya

Sau năm 1763, nước Anh đã loại bỏ được đối thủ cạnh tranh chính là Pháp khỏi tiêu lục địa Ấn Độ. Nhưng rõ ràng, người Pháp vẫn không từ bỏ tham vọng khôi phục vị thế mà họ đã mất, hay ít nhất cũng có chủ đích phá hoại lợi ích của Anh. Bên cạnh đó là sự hiện diện của Hà Lan - một thế lực cạnh tranh quyết liệt với Anh ở khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là trên lĩnh vực thương mại. Nhận ra những điểm yếu của nước Anh trong việc bảo vệ thuộc địa Ấn Độ, năm 1763, Công ty Đông Ấn Anh đã chỉ đạo việc tìm kiếm một địa điểm phù hợp cho một khu cảng tại phía đông vịnh Bengal.

Mặt khác, vào mùa mưa đông bắc (ở Ấn Độ Dương có hai mùa mưa là mùa mưa tây nam và đông bắc), từ tháng 10 đến

tháng 5⁷, bờ biển phía đông của Ấn Độ và bán đảo Malaya đều phải hứng chịu nhiều cơn bão lớn. Lúc đó, các ngư dân Malaya không thể ra biển vào mùa mưa, và tương tự vào những ngày ra khơi, hải quân Anh cũng không thể dễ dàng ra biển từ cảng Madras. Hải cảng gần nhất mà hải quân Anh có thể sử dụng để bảo vệ các thương thuyền của mình trên chặng đường biển phía đông là Bombay. Nhưng cảng này nằm ở vị trí quá xa để sử dụng cho mục đích phòng thủ tại vịnh Bengal. Vì vậy, bất kỳ thế lực thù địch nào có căn cứ tại phía đông của vịnh Bengal cũng có thể gây thiệt hại cho các tàu Anh vào các tháng mùa mưa đông bắc. Vì vậy, trong 20 năm, từ năm 1763 đến năm 1783, người Anh đã xem xét xây dựng cảng biển tại nhiều địa điểm: Acheh, Ujang Salang, đảo Nicobar, đảo Andaman, và Kedah... Tuy nhiên, cho đến trước khi phải chịu thất bại trong cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa ở Bắc Mỹ (1775-1783), đã không có cảng biển nào được người Anh xây dựng cho mục đích trên ở bán đảo Malaya. Trong cuộc chiến này, người Mỹ đã được Pháp và Hà Lan giúp đỡ. Một hạm đội Pháp do Đô đốc Suffren chỉ huy đã gây thiệt hại nặng nề cho các tàu Anh ở phía đông Ấn Độ trong những năm 1782-1783⁸. Ba hải cảng của Hà Lan tại vùng biển Đông Ấn (nay là Indonesia) cũng bẽ quan với người Anh trong khoảng thời gian chiến tranh. Do đó,

⁷ Samuel Wee Tien Wang (1992), *British strategic interests in the Strait of Malacca 1786-1819*, B. A., Simon Fraser University, p.19.

⁸ Samuel Wee Tien Wang (1992), *British strategic interests in the Strait of Malacca 1786-1819*, B. A., Simon Fraser University, p.33.

⁶ Tregonning, K. C (1965), *British in Malaya: the first forty years 1786-1826*, The University of Arizona, p. 7.

nhu cầu xây dựng một hải cảng của Anh tại tuyến đường biển phía đông Ấn Độ tới Trung Quốc để sử dụng được vào mùa mưa đông bắc, cũng như để bảo vệ thương mại với Trung Quốc, đặc biệt là bảo vệ khỏi các đối thủ cạnh tranh của Anh đến từ châu Âu đã trở nên khẩn thiết hơn.

Tóm lại, cùng với những nhân tố nội tại thúc đẩy sự bành trướng lãnh thổ của Anh thì có hai nguyên nhân khách quan chính khiến người Anh tái chú ý đến bán đảo Malaya: *thứ nhất*, nhu cầu có một hải cảng mà thương nhân người Anh và Ấn Độ có thể sử dụng để mở rộng buôn bán tại bán đảo Malaya và quan trọng hơn là thu được *thiếc* - một mặt hàng vô cùng dồi dào ở Malaya - cho Công ty Đông Ấn Anh để bán sang Trung Quốc; và *thứ hai*, nhu cầu có một căn cứ hải quân ở phía đông vịnh Bengal cũng như một hải cảng dọc theo tuyến đường thương mại Trung Quốc có thể sử dụng để sửa chữa, cung ứng hậu cần và bảo vệ cho các thương thuyền. Xét đến cùng, mọi nhu cầu cũng đều nhằm mục đích bảo vệ, tăng cường và củng cố những lợi ích về kinh tế của Anh tại khu vực này trước những đối thủ cạnh tranh lớn như Hà Lan, Pháp... Vì vậy, tất cả những nguyên nhân ấy đã cùng hòa quyện với nhau, thúc đẩy Anh xâm nhập trở lại và mở cửa khu vực Malaya đầy tiềm năng từ nửa sau thế kỷ XVIII.

2. Tác động của quá trình Anh "mở cửa" Penang và Singapore từ nửa sau thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX

Những chính sách mà Anh thực hiện ở Penang và Singapore đã mang lại những biến đổi lớn lao về kinh tế - xã hội cho hai hòn đảo này cũng như khu vực Malaya.

* *Về kinh tế*: Thông qua chính sách "mở cửa" của Anh, chủ yếu trên lĩnh vực kinh tế, nền móng cho sự phát triển một nền kinh tế hiện đại, đặc biệt là thương mại bước đầu được hình thành ở Penang, Singapore và rộng hơn là toàn bộ bán đảo Malaya.

Đối với Penang, chính sách tự do thương mại mà Anh thực hiện ở Penang⁹ đã thu hút thương nhân từ nhiều nơi, đặc biệt là từ Malacca, đảo Sumatra, Trung Quốc và Ấn Độ đổ về đây. Penang nhanh chóng trở thành trung tâm thương mại nhộn nhịp, nơi mà sản phẩm của Ấn Độ và Anh được trao đổi với hàng hóa của Malaya như gạo, thiếc, gia vị, mây, bụi gai, ngà voi, gỗ mun, hạt tiêu...¹⁰. Có thể nói, những hoạt động buôn bán tấp nập trong thời gian trước này đã làm thay đổi một cách căn bản bộ mặt của Penang. Dân số của đảo từ vài chục người năm 1786 lên tới 10.000 người vào năm 1790. Năm 1789, tổng giá trị xuất - nhập khẩu của Penang lên tới 853.592 đôla

⁹ Như trong bức thư được John Macpherson - thống đốc Ấn Độ lúc bấy giờ, viết cho Francis Light chỉ sáu tháng sau khi Anh kiểm soát Penang, có đoạn viết: "Nếu điều kiện thuận lợi, các thương nhân sẽ tìm thấy lợi ích trong việc dùng đến hàng hóa của họ, và như một điều khích lệ dành cho họ, chúng tôi mong muốn Ngài sẽ cố gắng không thu bất cứ loại thuế nào đối với bất kỳ loại hàng hóa nào được đưa vào hay tàu thuyền đang nhập khẩu ở đảo Prince of Wales, và đó là mong muốn của chúng tôi để mở cửa cảng tự do cho tất cả các nước".

¹⁰ D. G. E. Hall (1997), "Lịch sử Đông Nam Á", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.750.

Tây Ban Nha (gọi tắt là đôla), và năm năm sau tăng lên gần gấp đôi¹¹.

Bên cạnh đó, nhằm tăng giá trị hàng hóa xuất khẩu ở Penang, người Anh cũng đã đầu tư và cho thử nghiệm trồng một số cây gia vị ở Penang như đinh hương, hồi, quế và tiêu. Sau một thời gian ngắn, Penang trở thành một trong những nơi sản xuất hồ tiêu quan trọng của Malaya, góp phần làm tăng thêm giá trị xuất khẩu của hòn đảo này.

Đặc biệt, năm 1800, Anh và vua Kedah ký kết hiệp ước thứ hai quy định Hội vương nhượng lại một dải đất đối diện trên lục địa cho người Anh. Nguồn cung cấp bổ sung lương thực, thực phẩm, nước ngọt từ vùng đất mới này đã giúp Penang tự chủ hơn, không phải nhập khẩu lương thực từ bên ngoài, làm cho cơ cấu nền kinh tế ở Penang có phần hoàn thiện hơn trước, đồng thời cũng góp phần làm tăng thêm giá trị xuất nhập khẩu ở Penang.

Đối với Singapore, chính sách tự do thương mại mà Anh thực hiện ở Singapore cũng đã phát huy tối đa vị trí chiến lược về thương mại của hòn đảo này. Ngay trong những năm đầu, Singapore đã thu hút được phần lớn hoạt động thương mại của vùng Đông Ấn thuộc Hà Lan (tức Indonesia) và phát triển mối liên hệ thương mại quan trọng với Trung Quốc, Xiêm, Đông Dương và Philippin. Chỉ tính riêng năm 1820, giá trị thương mại của Singapore là hơn 4.000.000 đôla. Năm 1825, các số liệu

thương mại của ba khu định cư như sau: Malacca: 2.500.000 đôla; Penang: 8.500.000 đôla; Singapore: 22.185.000 đôla¹². Với nguồn thu khổng lồ đó¹³, Singapore đã khẳng định được vị thế thương mại của mình trong chiến lược đầu tư của người Anh vào các tiểu quốc Malaya. Do vậy, hòn đảo này đã ngày càng thu hút và nhận được sự đầu tư lớn từ phía chính quyền Anh.

Đồng thời, với những quy định hết sức cởi mở ở Singapore như: cho phép mỗi cá nhân, thành viên của xã hội Singapore được tự do lựa chọn, theo đuổi sở thích kinh doanh của mình; chính phủ thuộc địa không can thiệp vào công việc kinh doanh cụ thể của mỗi người, không thu thuế thu nhập hoặc các khoản thu khác đối với các doanh nghiệp... đã góp phần kích thích và khuyến khích các hoạt động kinh tế, đặc biệt là nội thương ở Singapore phát triển. Qua đó, góp phần gia tăng tổng giá trị kim ngạch thương mại của Singapore.

Bên cạnh đó, người Anh cũng hết sức chú ý đến việc xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở Singapore. Nhờ vậy, đã tạo nên những biến đổi lớn cho hòn đảo này. Từ một hòn đảo hoang sơ với khoảng 100 người sinh sống, thì với những hoạt động buôn bán nhộn nhịp ở Singapore đã làm cho cư dân trên đảo tăng lên khoảng 5000 người vào tháng 6/1819, và một năm sau

¹¹ D. G. E. Hall (1997), "Lịch sử Đông Nam Á", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.750.

¹² Ryan. N. J (1963), *The making of modern Malaya: A history from earliest times to the present*, Oxford University Press, Amen House, London, p. 89.

¹³ gấp hơn 8,5 lần nguồn thu từ thương mại của Malacca và hơn 2,5 lần nguồn thu từ thương mại của Penang.

lên tới trên 10.000 người. Từ đó, góp phần tạo ra một thị trường sôi động, thu hút các thương nhân nước ngoài đến Singapore và kích thích các hoạt động trao đổi buôn bán trên hòn đảo này. Mặc khác, nhiều thành phố, cảng biển sầm uất cũng đã xuất hiện ở Singapore¹⁴.

Sự xuất hiện của những ngành nghề mới cũng như sự có mặt của một bộ phận khá đông Hoa kiều và Ấn kiều ở Penang và Singapore đã góp phần "mở cửa" nhận thức, sự nhạy cảm trong kinh doanh cho người dân bản địa (Orang Asli). Qua đó, đặt nền tảng cho sự ra đời của thể chế kinh tế tư bản chủ nghĩa ở những vùng đất này.

Như vậy, từ nửa cuối thế kỷ XVIII, những chính sách, hoạt động kinh tế của Anh ở Penang và Singapore được xúc tiến một cách sôi nổi, mạnh mẽ, và có sự thay đổi căn bản về chất so với thời kì trước. Việc đầu tư tập trung vào các địa điểm có vị trí chiến lược thương mại tại bán đảo Malaya là Penang và Singapore đã góp phần tích cực trong việc biến các địa điểm này thành những hải cảng sầm uất trong đầu mối giao thương của thế giới, kết nối tuyến thương mại quan trọng từ Anh đến Ấn Độ, bán đảo Malaya và Trung Quốc.

** Về hành chính - pháp luật:*

Về hành chính: Sau khi kiểm soát được Singapore năm 1824, người Anh đã thiết lập *Khu định cư eo biển* (Straits Settlements) gồm tỉnh Wellesley, đảo Penang, Malacca, Singapore thuộc vùng

đất cai trị trực tiếp của Anh với chế độ Thống đốc. Cùng với việc áp dụng những hình thức cai trị khác nhau, trực tiếp đến gián tiếp ở những khu vực còn lại trên bán đảo Malaya, Anh đã đưa vào Malaya một cơ cấu hành chính tương đối thống nhất, đồng bộ. Hệ thống đó có trách nhiệm duy trì ổn định để đảm bảo tiến hành hoạt động thương mại và quyền sở hữu tài sản và đồng thời đóng vai trò là "người cố vấn" (*advisor*) cho các Hội vương¹⁵. Về cơ bản, hệ thống hành chính đó đã góp phần ổn định tình hình vốn khá phức tạp ở khu vực này.

Về pháp luật: Sau khi Anh giành được quyền kiểm soát một dải đất liền của Malaya đối diện với Penang (1800) đã tạo điều kiện để Penang phát triển nhanh. Tình hình đó đòi hỏi cần phải nhanh chóng thiết lập một cơ chế luật pháp phù hợp. Năm 1807, văn bản pháp luật đầu tiên (*the First Charter of Justice*) đã được ban hành cùng với một tòa án được thiết lập ở Penang. Khi 3 khu định cư Penang, Singapore và Malacca được hợp nhất trong Khu định cư eo biển năm 1824, thì hai năm sau đó (năm 1826), văn bản pháp luật thứ hai (*the Second Charter of Justice*) được ban hành, mở rộng thẩm quyền của Tòa án từ Penang đến Singapore và Malacca. Cùng với đó, sự thống nhất về chính trị và luật pháp ở Khu định cư eo biển đã được thiết lập. Sự phát triển cũng như tầm quan trọng của Khu định cư (khi trung tâm hành chính chuyển

¹⁴ Từ năm 1820 đến năm 1827, tại Singapore đã có tới 14 hãng buôn được thành lập.

¹⁵ Ern Chen Loo, Margaret McKerchar (2014), *The impact of British colonial rule on the Malaysian income tax system*, Journal of Tax Research, vol. 12, no. 1, p.242.

từ Penang sang Singapore năm 1832) đã đưa khu vực này trở thành một thuộc địa độc lập với chính phủ Ấn Độ thuộc Anh năm 1867. Sự thay đổi này cũng được đồng bộ với những điều chỉnh về mặt luật pháp trong văn bản pháp luật thứ ba (*the Third Charter of Justice*).

Có thể thấy, sau khi người Anh đặt chân đến Penang và Singapore, các hòn đảo này đã mở cửa để tiếp thu những ảnh hưởng của nền luật pháp Anh với các quy định, nguyên tắc. Tinh thần pháp luật của Anh dần dần trở thành nền tảng luật pháp của toàn bộ bán đảo Malaya từ nửa sau thế kỷ XX¹⁶.

**Về văn hóa - giáo dục,*

Tại Penang hay Singapore, các chính sách về văn hóa cũng như hệ thống pháp luật được người Anh soạn thảo đều được xây dựng trên cơ sở đối chiếu với các tập tục tôn giáo, hôn nhân và thừa kế... vốn đã tồn tại ở các tiểu quốc Malaya trước đó. Do vậy, nó không những đã không làm tổn hại đến nền văn hóa tinh thần của người dân ở Penang và Singapore mà còn góp phần làm phong phú hơn nền văn hóa của bản địa.

Đồng thời với sự có mặt của người Anh ở hai hòn đảo này, những nét cơ bản của một nền giáo dục mới đã được hình thành. Trước khi người Anh đến, ở Penang và Singapore, các lớp học kinh Koran được xem là nền tảng của giáo dục tôn giáo và cũng là nền tảng của giáo dục thế tục ở đây.

Từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX, những giá trị của nền giáo dục phương Tây đã được người Anh du nhập bước đầu vào Penang và Singapore. Bên cạnh việc duy trì nền giáo dục truyền thống, các trường học mang yếu tố phương Tây ra đời đã giúp cho người dân bản địa có thể tiếp thu thêm những điểm tiên tiến trong hệ thống giáo dục của người Anh và một số tri thức tiên bộ của nhân loại. Từ đó tạo nên tầng lớp trí thức mới. Đội ngũ trí thức này ngày càng đông đảo, mang trong mình vốn văn hóa truyền thống dân tộc và tiếp nhận những tri thức mới của thời đại, trở thành những con người gánh vác sứ mệnh thức tỉnh dân tộc vào đầu thế kỷ XX. Như Jan Pluvier, một giáo sư Sử học Pháp đã nhận xét: "*Phong trào phục hưng của Đông Nam Á chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của nền giáo dục phương Tây. Đây là một trong những điều bị người ta thờ ơ nhất khi nói tới trách nhiệm đối với thuộc địa, nhưng xét từ quan điểm thuộc địa một cách rõ ràng và khách quan, điều này đã góp phần làm xuất hiện tầng lớp trí thức được đào tạo ở phương Tây và họ được trưởng thành trong môi trường dân tộc chủ nghĩa*"¹⁷. Có thể thấy, từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX, ở Penang và Singapore đã xuất hiện những dấu ấn cơ bản của Anh trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục, góp phần đặt nền tảng và định hướng bước đầu cho các chính sách văn hóa - giáo dục của người Anh tại hai

¹⁶Goerge E Glos (1965), *The Administrative Structure and Legal System of Malaya*, <http://www.zaoerv.de>, p.116.

¹⁷ Vũ Dương Ninh, Jan Pluvier, Nguyễn Văn Hồng (2005), *Đông Nam Á tháng Tám năm 1945 (đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr.112.

hòn đảo này cũng như ở các tiểu quốc Malaya trong các giai đoạn về sau.

Như vậy, từ quá trình Anh "mở cửa" Penang và Singapore trên bán đảo Malaya của Anh vào nửa sau thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX, có thể thấy: *Thứ nhất*, bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu phòng ngự trên biển trước những diễn biến chính trị phức tạp ở Tây Âu và các khu vực thuộc địa, thì quan trọng hơn là quá trình này nhằm thực hiện mong muốn vươn đến chiếm lấy nguồn lợi thương mại quốc tế ở bán đảo này. Nhu cầu kinh tế này là phù hợp để tăng cường phát triển lợi ích (đặc biệt là lợi ích kinh tế biển) của Anh nhất là trong bối cảnh đất nước này đang trên đà tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp với những nhu cầu rất lớn về vốn, nguyên liệu và thị trường. *Thứ hai*, những lợi ích mà Anh - chủ thể của quá trình mở cửa có được là quá rõ ràng. Mặt khác, đối với hai hòn đảo Penang và Singapore cũng như toàn bộ khu vực Malaya - đối tượng của quá trình này đã có cơ hội đón lấy những luồng sinh khí đầy mới mẻ về kinh tế, hành chính, văn hóa - giáo dục của quan hệ sản xuất mới lúc bấy giờ - quan hệ sản xuất kinh tế tư bản chủ nghĩa. *Thứ ba*, chính những tác động to lớn của quá trình đó đã góp phần quan trọng để Penang, Singapore nói riêng và bán đảo Malaya nói chung "mở cửa" với thế giới bên ngoài, đặt nền tảng cho quá trình phát triển của khu vực về sau.

Tài liệu tham khảo

1. Arasaratnam, Sinnappah (1979), *The age of partnership, Europeans in Asia before Dominion*, Edited by Blair B. Kling and M. N. Pearson. Honolulu: the University of Hawaii.
2. Ern Chen Loo, Margaret McKerchar (2014), *The impact of British colonial rule on the Malaysian income tax system*, Journal of Tax Research, vol. 12, no. 1.
3. Goerge E Glos (1965), *The Administrative Structure and Legal System of Malaya*, <http://www.zaoerv.de>.
4. Hall, D.G.E. (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Vũ Dương Ninh, Jan Pluvier, Nguyễn Văn Hồng (2005), *Đông Nam Á tháng Tám năm 1945 (đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
6. Ryan. N. J (1963), *The making of modern Malaya: A history from earliest times to the present*, Oxford University Press, Amen House, London. .
7. Samuel Wee Tien Wang (1992), *British strategic interests in the Strait of Malacca 1786-1819*, B. A, Simon Fraser University.
8. Tregonning. K. C (1965), *British in Malaya: the first forty years 1786-1826*, The University of Arizona.